

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	1.005739	Thủ tục hành chính liên thông trong cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đối với công trình có tổng công suất trạm biến áp nhỏ hơn hoặc bằng 2.000 kVA.	2362/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
2	1.006545	Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách thời đảm nhiệm chức danh sau khi sáp nhập để thành lập thôn, tổ dân phố mới	3586/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính quyền địa phương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
3	2.001621.000.00.00.H56	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	1434/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
4	2.002080.000.00.00.H56	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	3858/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
5	2.001035.000.00.00.H56	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
6	2.000477.000.00.00.H56	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
7	1.013239.H56	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	2208/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
8	1.013791.H56	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	2064/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
9	2.002757.H56	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã thôi việc, đã về gia đình (đối với đối tượng đã từ trần) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
10	1.007921	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi; Đơn vị tổ chức phong trào giới cấp huyện	1407/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

11	1.007922	Thủ tục công nhận Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giới; Chi hội nông dân tổ chức phong trào giới cấp xã	1407/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
12	2.001218.000.00.00.H56	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
13	2.001217.000.00.00.H56	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
14	1.005280.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã, đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
15	2.002123.000.00.00.H56	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3201/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
16	1.005277.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
17	1.004982.000.00.00.H56	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
18	1.005378.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
19	1.005010.000.00.00.H56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
20	1.004901.000.00.00.H56	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
21	1.001612.000.00.00.H56	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	2410/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
22	2.000720.000.00.00.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2410/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
23	1.001570.000.00.00.H56	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	2410/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

24	2.000575.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2410/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
25	1.001266.000.00.00.H56	Chăm dứt hoạt động hộ kinh doanh	2410/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
26	1.003347.000.00.00.H56	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
27	1.003471.000.00.00.H56	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
28	1.003446.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
29	1.003440.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1434/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
30	1.003434.000.00.00.H56	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	2158/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
31	2.001627.000.00.00.H56	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
32	1.004979.000.00.00.H56	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
33	2.001958.000.00.00.H56	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
34	2.001661.000.00.00.H56	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2352/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
35	2.001157.000.00.00.H56	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
36	2.001396.000.00.00.H56	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
37	2.002165.000.00.00.H56	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	48/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

38	1.001776.000.00.00.H56	Thực hiện, điều chỉnh, thời hương trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
39	1.001731.000.00.00.H56	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
40	2.001904.000.00.00.H56	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	3352/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
41	1.005108.000.00.00.H56	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	3352/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
42	2.000286.000.00.00.H56	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
43	2.000355.000.00.00.H56	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2227/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
44	1.004680.000.00.00.H56	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	175/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
45	1.004359.000.00.00.H56	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	828/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
46	1.004344.000.00.00.H56	Cấp văn bản chấp thuận đồng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	828/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
47	1.004656.000.00.00.H56	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	175/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
48	1.004478.000.00.00.H56	Công bố mở cảng cá loại III	175/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
49	1.003956.000.00.00.H56	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	175/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

50	1.004498.000.00.00.H56	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhân và giao quyền quản lý cho tổ chức công đồng (thuộc địa bàn quản lý)	175/QĐ-VP	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
51	1.005099.000.00.00.H56	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	2280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
52	1.003702.000.00.00.H56	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1174/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
53	1.001622.000.00.00.H56	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	2280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
54	1.001699.000.00.00.H56	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1032/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
55	1.001653.000.00.00.H56	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1032/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
56	1.003596.000.00.00.H56	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1831/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
57	2.001842.000.00.00.H56	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2252/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
58	1.003681.000.00.00.H56	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	175/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
59	1.003650.000.00.00.H56	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	175/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
60	1.003634.000.00.00.H56	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	175/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
61	1.004552.000.00.00.H56	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	2252/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
62	1.004563.000.00.00.H56	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
63	1.001639.000.00.00.H56	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
64	2.000424.000.00.00.H56	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	59/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
65	2.000930.000.00.00.H56	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	3858/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

66	1.004088.000.00.00.H56	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
67	1.004047.000.00.00.H56	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
68	1.004036.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
69	2.001711.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
70	1.004002.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
71	1.003970.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
72	1.003930.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

73	2.001659.000.00.00.H56	Xóa đăng ký phương tiện	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
74	1.002693.000.00.00.H56	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	4292/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
75	1.003658.000.00.00.H56	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
76	1.005040.000.00.00.H56	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
77	1.004964.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
78	2.000206.000.00.00.H56	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	2123/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
79	2.000528.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
80	2.000806.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
81	1.001766.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

82	2.000779.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
83	1.001695.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
84	2.000908.000.00.00.H56	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
85	2.000815.000.00.00.H56	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	3555/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
86	2.000884.000.00.00.H56	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không điểm chỉ được)	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
87	2.000913.000.00.00.H56	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
88	2.000927.000.00.00.H56	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
89	2.000942.000.00.00.H56	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
90	2.000992.000.00.00.H56	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là công tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	3555/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
91	2.001008.000.00.00.H56	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là công tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
92	2.000181.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1038/QĐ-VP	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
93	2.000162.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1038/QĐ-VP	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

94	2.000150.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1038/QĐ-VP	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
95	2.001960.000.00.00.H56	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	2236/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LD06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
96	1.004944.000.00.00.H56	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2259/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
97	2.001283.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	3237/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
98	2.001270.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2123/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
99	2.001261.000.00.00.H56	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2123/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
100	2.000633.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	449/QĐ-VP	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
101	2.000629.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	3433/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
102	1.001279.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	449/QĐ-VP	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
103	2.000620.000.00.00.H56	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	449/QĐ-VP	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
104	2.000615.000.00.00.H56	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	3237/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
105	2.001240.000.00.00.H56	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	3237/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
106	2.001921.000.00.00.H56	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2166/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
107	1.006391.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	2205/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
108	2.000748.000.00.00.H56	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
109	2.002189.000.00.00.H56	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

110	2.000554.000.00.00.H56	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
111	2.000547.000.00.00.H56	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
112	2.000522.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
113	1.000893.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
114	2.000513.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
115	2.000497.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
116	2.000635.000.00.00.H56	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
117	1.001193.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
118	1.000894.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký kết hôn	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
119	1.001022.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
120	1.000689.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
121	1.000656.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai tử	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
122	1.003583.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
123	1.000593.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
124	1.000419.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
125	1.000110.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
126	1.000094.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
127	1.000080.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
128	1.004827.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	345/QĐ-VP	Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
129	1.001669.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
130	2.000756.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
131	1.004837.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký giám hộ	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

132	1.004845.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
133	1.004859.000.00.00.H56	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
134	1.004873.000.00.00.H56	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
135	1.004884.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
136	1.004772.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
137	1.004746.000.00.00.H56	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
138	1.005461.000.00.00.H56	Đăng ký lại khai tử	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
139	2.000986.000.00.00.H56	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	3212/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
140	2.001023.000.00.00.H56	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	3212/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
141	2.001019.000.00.00.H56	Thủ tục Chứng thực di chúc	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
142	2.001016.000.00.00.H56	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
143	2.001406.000.00.00.H56	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1040/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
144	2.001255.000.00.00.H56	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2170/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
145	1.003005.000.00.00.H56	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	359/QĐ-VP	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
146	2.001263.000.00.00.H56	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	359/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
147	2.000134.000.00.00.H56	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	1251/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
148	1.003622.000.00.00.H56	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	592/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
149	1.002944.000.00.00.H56	Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
150	1.002467.000.00.00.H56	Công bố cơ sở dữ liệu điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	2725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
151	1.005412.000.00.00.H56	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	2402/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
152	1.006444.000.00.00.H56	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	2252/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
153	1.006390.000.00.00.H56	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	2252/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

154	1.006445.000.00.00.H56	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
155	2.000282.000.00.00.H56	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2227/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
156	1.001662.000.00.00.H56	Đăng ký khai thác nước dưới đất	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
157	1.004232.000.00.00.H56	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
158	1.004228.000.00.00.H56	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
159	2.001955.000.00.00.H56	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	2096/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
160	1.004223.000.00.00.H56	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
161	1.004211.000.00.00.H56	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
162	2.001770.000.00.00.H56	Tinh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
163	1.004283.000.00.00.H56	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
164	1.005401.000.00.00.H56	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
165	1.004935.000.00.00.H56	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
166	1.005400.000.00.00.H56	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
167	1.005399.000.00.00.H56	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
168	1.004941.000.00.00.H56	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	2259/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

169	2.001944.000.00.00.H56	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2259/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
170	1.004946.000.00.00.H56	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2259/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
171	2.001947.000.00.00.H56	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2259/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
172	1.001714.000.00.00.H56	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	2240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
173	1.005090.000.00.00.H56	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	2240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
174	1.000824.000.00.00.H56	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
175	1.000715.000.00.00.H56	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2209/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
176	1.000711.000.00.00.H56	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2209/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
177	1.000691.000.00.00.H56	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	2209/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
178	1.000713.000.00.00.H56	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	2209/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
179	1.000288.000.00.00.H56	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	2209/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
180	1.000280.000.00.00.H56	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	2209/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
181	2.000794.000.00.00.H56	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	360/QĐ-VP	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
182	2.001088.000.00.00.H56	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	1007/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
183	1.001257.000.00.00.H56	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ tướng cơ quan ngang bộ, Thủ tướng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
184	2.002228.000.00.00.H56	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
185	2.002226.000.00.00.H56	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

186	1.007919.000.00.00.H56	Thâm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thâm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	476/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
187	1.008004.000.00.00.H56	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1830/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
188	2.001212.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
189	2.001214.000.00.00.H56	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
190	2.001215.000.00.00.H56	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	1383/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
191	2.001211.000.00.00.H56	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
192	2.002284.000.00.00.H56	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	2236/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LD06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

193	2.000591.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	1290/QĐ-VP	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
194	2.000535.000.00.00.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	1290/QĐ-VP	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
195	2.002307.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ mai táng phi đối với cựu chiến binh	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
196	2.002308.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ mai táng phi đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	2519/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
197	1.008951.000.00.00.H56	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	2280/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
198	1.008950.000.00.00.H56	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	2280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
199	1.008725.000.00.00.H56	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận	2252/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
200	2.002349.000.00.00.H56	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	359/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
201	2.002363.000.00.00.H56	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	359/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
202	1.009407.000.00.00.H56	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuộc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	1084/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
203	1.009444.000.00.00.H56	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
204	1.009447.000.00.00.H56	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

205	1.009454.000.00.00.H56	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
206	1.009455.000.00.00.H56	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
207	1.009465.000.00.00.H56	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
208	1.009452.000.00.00.H56	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
209	1.009453.000.00.00.H56	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	2071/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
210	1.009794.000.00.00.H56	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	319/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
211	1.009481.000.00.00.H56	Công nhân khu vực biển (cấp tỉnh)	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
212	1.010092.000.00.00.H56	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	557/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
213	1.010091.000.00.00.H56	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	557/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
214	2.002400.000.00.00.H56	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	454/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

215	2.002402.000.00.00.H56	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	454/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
216	2.002403.000.00.00.H56	Thủ tục thực hiện việc giải trình	454/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
217	2.002409.000.00.00.H56	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2511/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
218	2.002401.000.00.00.H56	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	454/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
219	2.002487	Hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề tiêu thủ công nghiệp	2638/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
220	2.002481.000.00.00.H56	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	2240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
221	2.002483.000.00.00.H56	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	2280/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
222	2.002482.000.00.00.H56	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	2280/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
223	1.010772.000.00.00.H56	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	3359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
224	1.010801.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	2519/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
225	1.010803.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
226	1.010804.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tăng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
227	1.010802.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	2519/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
228	1.010805.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
229	1.010806.000.00.00.H56	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	2519/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
230	1.010810.000.00.00.H56	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
231	1.010811.000.00.00.H56	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	3061/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
232	1.010812.000.00.00.H56	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

233	1.010814.000.00.00.H56	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	2519/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
234	1.010815.000.00.00.H56	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	2519/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
235	1.010816.000.00.00.H56	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
236	1.010817.000.00.00.H56	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
237	1.010818.000.00.00.H56	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, dày	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
238	1.010819.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
239	1.010825.000.00.00.H56	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
240	1.010820.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
241	1.010821.000.00.00.H56	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
242	1.010824.000.00.00.H56	Hướng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
243	1.010829.000.00.00.H56	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	3061/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
244	1.010830.000.00.00.H56	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
245	1.010833.000.00.00.H56	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	2519/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
246	1.010775.000.00.00.H56	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	1878/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
247	1.010777.000.00.00.H56	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	1878/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
248	1.010778.000.00.00.H56	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	3359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

249	1.010774.000.00.00.H56	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	3061/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
250	1.010781.000.00.00.H56	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	3359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
251	1.010783.000.00.00.H56	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	3359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
252	1.010940.000.00.00.H56	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	2168/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
253	1.010939.000.00.00.H56	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	2168/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
254	1.010938.000.00.00.H56	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	2168/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
255	1.010941.000.00.00.H56	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	2168/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
256	1.010727.000.00.00.H56	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010727)	562/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
257	1.010736.000.00.00.H56	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1832/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
258	2.002501.000.00.00.H56	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2739/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
259	1.010945.000.00.00.H56	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	2739/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
260	2.002396.000.00.00.H56	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	2511/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

261	2.002516.000.00.00.H56	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
262	1.011468	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.	2777/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
263	1.011466	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đối với các dự án, kế hoạch liên kết trên phạm vi một xã, phường (liên kết cấp xã) thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	2777/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
264	1.011467	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	2777/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
265	2.001827.000.00.00.H56	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	3130/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
266	1.011471.000.00.00.H56	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	2414/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
267	1.011518.000.00.00.H56	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
268	1.011609.000.00.00.H56	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
269	1.011606.000.00.00.H56	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	2250/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
270	1.011607.000.00.00.H56	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
271	1.011608.000.00.00.H56	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
272	3.000182.000.00.00.H56	Tuyển sinh trung học cơ sở	2240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
273	3.000235	Hỗ trợ giao cho các hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các xã Mường Lát, Mường Chanh, Mường Lý, Nhi Sơn, Pù Nhi, Quang Chiêu, Tam Chung, Trung Lý.	2777/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

274	1.012084.H56	Thủ tục cầm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	5059/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
275	1.012085.H56	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cầm tiếp xúc theo đơn đề nghị	5059/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
276	1.012222.H56	Công nhận người có uy tín	2237/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
277	1.012223.H56	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	2237/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
278	3.000250.H56	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	2229/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
279	1.012299.H56	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	1146/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
280	1.012301.H56	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	1146/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
281	1.012300.H56	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	1146/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
282	1.012427.H56	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	3433/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Cụm Công nghiệp (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
283	3.000257.H56	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	3202/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
284	2.002620.H56	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	3347/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
285	1.012500.H56	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	361/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
286	1.012531.H56	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	476/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
287	1.012568.H56	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	2123/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
288	1.012569.H56	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	2123/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
289	1.012591.H56	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1081/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
290	1.012592.H56	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	1081/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
291	1.012590.H56	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	2237/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

292	1.012585.H56	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	2237/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
293	1.012582.H56	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	1081/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
294	1.012584.H56	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	1081/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
295	1.012694.H56	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	476/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Đảng viên	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
296	2.002638.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	3201/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
297	2.002642.H56	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
298	2.002648.H56	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3201/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
299	2.002640.H56	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
300	2.002649.H56	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
301	2.002641.H56	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	3201/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
302	2.002643.H56	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3201/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
303	2.002637.H56	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	2124/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
304	2.002639.H56	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	2124/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

305	2.002635.H56	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
306	2.002636.H56	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
307	1.012753.H56	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	3006/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
308	1.012756.H56	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý.	2256/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
309	1.012817.H56	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
310	1.012796.H56	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
311	1.012818.H56	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1351/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
312	1.012812.H56	Hòa giải tranh chấp đất đai	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
313	1.012836.H56	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lông, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	2242/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

314	1.012837.H56	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chữa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	2242/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
315	3.000291.H56	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	3202/QĐ-VP	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
316	2.002668.H56	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	2124/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
317	1.012888.H56	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	2203/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
318	1.012922.H56	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	476/QĐ-VP	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
319	1.012994.H56	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2159/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
320	1.012995.H56	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	4647/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
321	1.012996.H56	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	4647/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
322	3.000315.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
323	3.000307.H56	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
324	1.012969.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

325	3.000309.H56	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	2252/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
326	1.012963.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
327	3.000308.H56	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
328	1.012970.H56	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	2252/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
329	1.012961.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
330	1.012962.H56	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
331	1.012964.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
332	1.012967.H56	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
333	1.012971.H56	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
334	1.012965.H56	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	2252/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
335	1.012966.H56	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	2252/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
336	1.012968.H56	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
337	1.012972.H56	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	2252/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
338	1.012973.H56	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
339	1.012974.H56	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

340	1.012975.H56	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	2252/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
341	1.013040.H56	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2167/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
342	1.013061.H56	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	630/QĐ-VP	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
343	1.013234.H56	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	2208/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
344	1.013226.H56	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	310/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
345	1.013232.H56	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	310/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
346	1.013225.H56	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	310/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
347	1.013229.H56	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ;	310/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

348	1.013228.H56	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	310/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
349	1.013227.H56	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	310/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
350	3.000323.H56	Đăng ký giám sát việc giám hộ	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
351	3.000322.H56	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	345/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
352	1.013274.H56	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	2166/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
353	1.000314.H56	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	2166/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
354	1.013313.H56	Xác nhận nơi thường xuyên đầu, đố, sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	326/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
355	1.013314.H56	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sử dụng nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	326/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
356	1.013346	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	2849/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
357	1.013345	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	2849/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

358	2.001942.H56	Chuyên trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cả nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2259/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
359	3.000410.H56	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	3202/QĐ-VP	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
360	3.000412.H56	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	1630/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
361	1.013703.H56	Thành lập hội	2063/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
362	1.013710.H56	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	2063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
363	1.013706.H56	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	2063/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
364	1.013707.H56	Chia, tách; sáp nhập; họp nhất hội	2063/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
365	1.013702.H56	Công nhận ban vận động thành lập hội	2063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
366	1.013704.H56	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	2063/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
367	1.013708.H56	Hội tư giải thể	2063/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
368	1.013709.H56	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	2063/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
369	1.013749.H56	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
370	1.013750.H56	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	2153/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
371	1.013734.H56	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết.	2164/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
372	1.013792.H56	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2945/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
373	1.013794.H56	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2064/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
374	1.009788.H56	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	319/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
375	1.009791.H56	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	319/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

376	1.013793.H56	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2064/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
377	1.013997.H56	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	2223/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
378	1.004844.H56	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	3145/QĐ-VP	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
379	1.013831.H56	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	3006/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
380	1.013962.H56	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cả nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
381	1.013979.H56	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
382	1.013965.H56	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

383	1.013953.H56	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
384	1.013967.H56	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	2256/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
385	1.013949.H56	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
386	1.013950.H56	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
387	1.013952.H56	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
388	1.013978.H56	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
389	1.013798.H56	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	2237/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
390	1.013797.H56	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	2237/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

391	1.013796.H56	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỜ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỜ CHỨC TÔN GIÁO, TỜ CHỨC TÔN GIÁO, TỜ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BAN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	2237/QĐ-UBND	Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
392	3.000441.H56	Trà lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
393	3.000440.H56	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
394	3.000439.H56	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
395	3.000442.H56	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
396	3.000443.H56	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	643/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
397	1.013855.H56	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	3100/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tờ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
398	1.014028.H56	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	2405/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tờ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tờ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

399	1.014027.H56	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	2405/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
400	1.014035.H56	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	2410/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
401	1.014034.H56	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	2410/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
402	3.000502.H56	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư	2478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
403	1.014111.H56	Thi tuyển công chức	2514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
404	1.014116.H56	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	2514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
405	1.014113.H56	Xét tuyển công chức	2514/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
406	3.000510.H56	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	2587/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
407	3.000509.H56	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	2587/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
408	3.000494.H56	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	2587/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
409	1.014149.H56	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	2706/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
410	1.014150.H56	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	2706/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
411	1.013173.H56	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp "Giấy chứng nhận" đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ	2746/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
412	1.014159.H56	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	3275/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

413	1.014156.H56	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	3275/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
414	1.014158.H56	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	3275/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
415	1.014155.H56	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	3275/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
416	1.014157.H56	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	3275/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
417	1.000963.H56	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	101/QĐ-VP	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
418	1.014193.H56	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2794/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
419	1.013128.H56	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m3)	487/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
420	1.014259.H56	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	567/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
421	1.014258.H56	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	1198/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
422	1.014284.H56	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	3006/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
423	1.014275.H56	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	3006/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
424	1.014310.H56	Thủ tục hướng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	2964/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

425	1.014312.H56	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	2964/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
426	1.014313	Hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.	2978/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
427	1.014352.H56	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	3196/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Lao động (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
428	1.014359.H56	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	3253/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
429	1.014335.H56	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	3286/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
430	1.014336.H56	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	3286/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
431	1.014337.H56	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	3286/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
432	1.013743.H56	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	3359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
433	1.013744.H56	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	3359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
434	1.013745.H56	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	3359/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

435	1.013145.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
436	1.013151.H56	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
437	1.013157.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có từ đủ 15 đến dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
438	1.013160.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
439	1.013163.H56	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối với đối tượng đã từ trần) do Bộ Quốc phòng giải quyết	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
440	1.013170.H56	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần, cấp "Giấy chứng nhận" đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
441	1.013144.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
442	1.013147.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mặt quốc phòng)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

443	1.013148.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân quân tập trung ở miền Bắc, du kích tập trung ở miền Nam (bao gồm cả lực lượng mặt quốc phòng), đối tượng cư trú ở địa phương khác không còn lưu giữ được giấy tờ	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
444	1.013161.H56	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp hàng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30/4/1975, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
445	1.013142.H56	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu, nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
446	1.013182.H56	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương dễ nghị công nhân thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương trong chiến tranh đã chuyển ra	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
447	1.013150.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg (nay bổ sung đối tượng theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
448	1.013152.H56	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
449	1.013155.H56	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng du kích thôn, ấp ở miền Nam trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng cư trú ở địa phương khác)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

450	1.013159.H56	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (bao gồm cả đối tượng đã tử trận)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
451	1.013455.H56	Thủ Tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân; công nhân viên chức quốc phòng; dân quân tự vệ trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, có dưới 15 năm công tác đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
452	1.013143.H56	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (đối tượng tử trận)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
453	1.013181.H56	Thủ tục tiếp nhận, hoàn thiện hồ sơ, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh đề nghị công nhận, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
454	1.013146.H56	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội tham gia chiến đấu, hoạt động ở chiến trường B, C, K, sau đó trở thành người hưởng lương	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
455	1.013149.H56	Thủ tục thực hiện chế độ một lần đối với đối tượng hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội theo Quyết định 188/2007/QĐ-TTg (đối tượng lập hồ sơ lần đầu)	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

456	2.002755.H56	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã, phường, thị trấn; công an xã; thanh niên xung phong trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975, đã thôi việc, đã về gia đình (đối tượng còn sống) thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
457	1.013196.H56	Thủ tục xác nhận đối với quân nhân đã xuất ngũ bị bệnh cũ tái phát dẫn đến tâm thần quy định tại điểm h khoản 1 Điều 33 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
458	2.002761.H56	Thủ tục xác nhận cán bộ Quân đội nghỉ hưu mắc bệnh hiểm nghèo	190/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
459	1.013140.H56	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
460	1.013141.H56	Thủ tục giải quyết chế độ một lần đối với thân nhân của quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30/4/1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ đã từ trần	3394/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Quốc phòng)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
461	1.014570	Hỗ trợ nâng cấp, thay thế thiết bị giám sát hành trình tàu cá	3197/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
462	1.014569	Hỗ trợ tàu cá thiết hại do thiên tai gây ra trên biển	3198/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
463	2.002821.H56	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	88/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
464	2.002820.H56	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	88/QĐ-VP	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
465	1.014736.H56	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	443/QĐ-VP	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
466	1.014737.H56	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	443/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
467	1.014832.H56	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	476/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
468	1.014848.H56	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

469	1.014849.H56	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xây dựng công trình mới; Lắp bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngăn do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
470	1.014853.H56	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
471	1.014859.H56	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
472	1.014850.H56	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
473	1.014851.H56	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Xây dựng công trình mới; Lắp bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngăn do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
474	1.014852.H56	Cấp giấy phép nô mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
475	1.014854.H56	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
476	1.014862.H56	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai

477	1.014863.H56	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
478	1.014864.H56	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	566/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
479	1.014942.H56	THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ QUỸ (Cấp xã)	785/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
480	1.014945.H56	THỦ TỤC CHO PHÉP QUỸ HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG (Cấp xã)	785/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
481	1.014944.H56	THỦ TỤC CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ; ĐỔI TÊN QUỸ (Cấp xã)	785/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
482	1.014943.H56	THỦ TỤC CÔNG NHẬN QUỸ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ; CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ KHI THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HOẶC HẾT NHIỆM KỲ (Cấp xã)	785/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
483	1.014946.H56	THỦ TỤC HỢP NHẤT, SẮP NHẬP, CHIA, TÁCH QUỸ (Cấp xã)	785/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
484	1.014947.H56	THỦ TỤC QUỸ TƯ GIẢI THỂ (Cấp xã)	785/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai
485	1.014801.H56	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	828/QĐ-VP	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã; Tổ chức Đảng; Đảng viên	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Thanh Hóa	Cấp Xã	Công khai